

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 13/7/2021

V/v Kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Khuyên.

2. Bà Đỗ Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp Kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi quan hệ pháp luật số 13/TB-TA ngày 28 tháng 5 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm (lần 2) số 59/TB-TA ngày 31 tháng 5 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi số thụ lý vụ án số 65/TB-TA ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa (lần 2) số 01/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm (lần 3) số 72/TB-TA ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lâm Quang D, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số nhà 35A, ngõ 445, đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt đề ngày 05/7/2021).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số nhà 108, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lâm Quang D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số nhà 35A, ngõ 445, đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt đề ngày 05/7/2021).

- Bà Lâm Thị Minh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà 35A, ngõ 445, đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt đề ngày 06/7/2021).

- Ông Vũ Hoàng T. Địa chỉ: Số nhà 108, tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng không đề ngày).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2019, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 31/01/2020 và đơn đề nghị ngày 06/7/2021, nguyên đơn ông Lâm Quang D trình bày:

Vợ ông Lâm Quang D là bà Đào Thị Thanh B có góp 50% vốn cùng bà Nguyễn Thị L thành lập công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên do bà B làm giám đốc. Năm 2016, bà B bị ốm nặng khó qua khỏi nên vợ chồng ông bà có bàn bạc với vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Vũ Hoàng T và thống nhất chuyển nhượng phần góp vốn của bà B cho công ty. Ngày 28/4/2016, hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn với nội dung bà B chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên cho bà L, bà L phải thanh toán tiền mặt nhận chuyển nhượng là 1.125.000.000 đồng cho người nhận tiền là ông Lâm Quang D; tháng 5/2016 thanh toán 500.000.000 đồng; số tiền còn lại trả nốt một lần vào tháng 7/2016; việc trả chậm phải do bên chuyển nhượng đồng ý và được tính theo lãi suất ngân hàng theo kỳ hạn tương đương thời gian trả chậm. Sau khi nhận chuyển nhượng phần vốn góp của bà B, bà L đã đăng ký thay đổi kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên do bà L làm Giám đốc. Ngày 07/9/2016, bà B ốm nặng và qua đời. Thời hạn thanh toán theo cam kết đã lâu nhưng bà L vẫn chưa thanh toán tiền cho ông D. Vì vậy ông D khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông tổng số tiền là 1.526.000.000 đồng, trong đó:

- Tiền gốc phải trả: 1.150.000.000 đồng.

- Số tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền nợ gốc: 376.000.000 đồng (Bút lục số 29).

Ông D không hề quen biết ông Trịnh Ngọc V, khi hai bên ký hợp đồng, bà L dẫn ông V đến để động viên vợ chồng ông ký hợp đồng với bà L. Bà B không hề ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho ông V, đây là hợp đồng do bà L tự làm giả nhằm lừa dối các cơ quan chức năng để được cấp phép hoạt động công ty và xin cấp đất làm trụ sở hoạt động công ty, đồng thời để trốn tránh việc trả nợ cho ông D. Ngày 12/5/2020, ông Lâm Quang D có đơn đề nghị chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2021, ông Lâm Quang D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông số tiền nợ cả gốc và lãi, cụ thể như sau:

- Số tiền gốc: 1.125.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng).
- Số tiền lãi suất chậm trả tính theo lãi suất ngân hàng theo thời gian liên tục 5 năm từ tháng 5/2016 đến tháng 7/2021 theo số tiền gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên có cổ phần tỷ lệ 50/50, bà B góp 2 tỷ đồng, bà L góp 2 tỷ đồng. Tuy nhiên từ tháng 9/2014 đến tháng 4/2016 bà B chưa nộp tiền mặt vào công ty mà toàn bộ tiền do bà L xoay sở để công ty đi vào hoạt động. Khi bà B sắp mất có gọi bà L đến để giao công ty, tuy vợ chồng bà L đã thống nhất không gánh phần của bà B nhưng bà đã giấu chồng viết giấy mua cổ phần với bà B để bà B yên tâm, cũng là cơ sở để bà L thuận lợi kêu gọi vốn nhà đầu tư hoặc bán cổ phần giúp bà B. Bà L nhờ được ông Trịnh Ngọc V giúp mua cổ phần của bà B. Hai bên đã ký kết hợp đồng B bộ hồ sơ pháp lý với Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên. Hợp đồng giữa ông D, bà B và bà L đã được thay B hợp đồng mua bán cổ phần giữa ông V và bà B, công ty cũng không nợ tiền ông D bà B. Việc ông D khởi kiện đòi tiền bà L là vô lý vì trong cùng thời điểm không thể cùng một số cổ phần bán cho 02 người. Nếu có bán thì hợp đồng giao dịch làm đúng thủ tục pháp lý thì hợp pháp và được chấp nhận. Mặt khác, công ty thành lập được gần 02 năm mà bà B không góp vốn theo quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của công ty. Bà L đề nghị Tòa án yêu cầu ông D là người được ủy quyền của bà B góp đủ số vốn đã cam kết trong đăng ký kinh doanh.

Tuy nhiên tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị L đều trình bày và thừa nhận số tiền 1.125.00.000 đồng là số tiền bà L và vợ chồng ông bà D B đã chót nợ với nhau và có hẹn ngày trả nhưng do điều kiện kinh doanh liên tục bị thua lỗ, công ty đã tạm dừng hoạt động từ năm 2017 nên bà không thực hiện được việc trả nợ cho ông D, bà B. Nay ông D khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 1.125.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả theo lãi suất của ngân hàng từ tháng 5/2016 đến tháng 7/2021 trên số tiền gốc cho ông Lâm Quang D, bà L nhất trí trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của ông D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quang D, bà Lâm Thị Minh T trình bày: Ông Lâm Quang D và bà Lâm Thị Minh T đều là con đẻ của ông D và bà B, nay bà B đã chết, việc bà L còn nợ ông bà D B số tiền bao nhiêu thì ông D có quyền yêu cầu bà L phải trả cho ông D toàn bộ số tiền đó. Ông D và bà T nhất trí với quan điểm của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật (Bút lục số 29, 704, 705).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Hoàng T trình bày:

Ông Vũ Hoàng T là chồng của bà Nguyễn Thị L, tuy nhiên việc vay mượn tiền giữa ông D bà B và bà L là do các bên tự giao kết và thanh toán cho nhau, ông không có liên quan gì đến vụ án trên và không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết theo quy định của pháp luật (Bút lục số 718).

Ngày 15/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên nhận được Đơn đề nghị của ông Lâm Quang D đề ngày 12/5/2020 về việc chuyển hồ sơ sang Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên do có dấu hiệu Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tòa án đã ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 15/5/2020. Ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định số 01/2020/QĐST-KDTM chuyển hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả điều tra, xác minh tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên xác định được như sau:

Trên thực tế từ thời điểm thành lập công ty, cả bà B và bà L đều chưa góp vốn B tiền mặt vào công ty, hai người không có tiền và tài sản nhưng ghi vốn điều lệ để hợp pháp hóa thủ tục thành lập công ty. Quá trình xác minh các cá nhân liên quan không xuất trình được biên bản bàn giao tài sản của các thành viên góp vốn cho công ty, không có các giấy tờ tài liệu thể hiện việc góp vốn trên thực tế. Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bà L xác nhận nợ và cam kết trả số tiền theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 28/4/2016 cho ông D (Bút lục số 658 – 671). Đây là số tiền mà trước khi thành lập công ty bà B đã ứng trước để chuẩn bị cho việc thành lập và cho các hoạt động của công ty sau này, được bà B ghi chép vào sổ sách cá nhân. Bà B bị bệnh nặng muốn lấy lại số tiền này nên bà L và bà B đã thỏa thuận ký hợp đồng để đảm bảo quyền lợi của bà B. Còn hợp đồng ngày 26/4/2016 giữa bà B và ông V cùng các tài liệu liên quan trong hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh của công ty chỉ là thủ tục mang tính hình thức để thay đổi chủ sở hữu phần vốn góp của bà B tại công ty. Ông D không biết về thỏa thuận giữa bà L, bà B, ông V về việc mua bán phần vốn góp của bà B tại công ty. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên kết luận không có sự việc phạm tội xảy ra và ban hành quyết định không khởi tố vụ án hình sự (Bút lục số 173). Tại cơ quan điều tra, bà L vẫn nhận nợ và cam kết thanh toán đủ số tiền theo thỏa thuận trong Hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/4/2016 cho ông Lâm Quang D.

Tại cơ quan điều tra, ông Trịnh Ngọc V trình bày:

Ông V có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Hoàng T, ông không quen biết bà Đào Thị Thanh B và ông Lâm Quang D. Ông V có ký vào Hợp đồng chuyển nhượng và biên bản họp Hội đồng thành viên công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên để hoàn thiện thủ tục theo quy định của pháp luật. Thực tế ông và bà B không có giao dịch mua bán phần vốn góp của bà B tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên (không có bất kỳ giao dịch nhận tiền liên quan đến vốn góp giữa ông và bà B, ông D và cả bà L như hồ sơ thủ tục đăng ký tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên). Ông không biết việc thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp giữa bà B và bà L. Trong việc ký mua bán chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên, ông không được hưởng lợi ích gì mà việc chuyển nhượng cổ phần và nội dung của cuộc họp Hội đồng thành viên công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên như trong hồ sơ

thủ tục nộp tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên đã không diễn ra thực tế như trong hồ sơ đã ghi. Ông ký các tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng vốn góp tại Văn phòng của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên theo ý của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên và bà L. Sau đó, ông đã ký các thủ tục để chuyển nhượng phần vốn góp cho bà L để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý. Ông không biết rõ mục đích của bà L khi ông ký các thủ tục này. Ông cũng không rõ thỏa thuận của bà L với bà B về các hoạt động tiếp theo của công ty, bản thân ông chỉ ký để hoàn thiện thủ tục pháp luật giúp bà L và bà B theo ý của bà L (Bút lục số 615).

Tại cơ quan điều tra, bà Trần Thị H trình bày:

Tháng 7/2017, bà Trần Thị H có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 1,2 tỷ đồng với tư cách cá nhân vay cá nhân (khoản tiền 1,2 tỷ đồng cho bà L vay là do bà H đã thế chấp sổ đỏ tại Ngân hàng A, tỉnh Điện Biên để vay tiền), bà L thế chấp cho bà H 40% số cổ phần của công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên. Với 40% số cổ phần đó bà L để bà H làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, hai bên thỏa thuận với nhau B một giấy vay nợ giữa cá nhân ký ngày 20/7/2017.

Giữa bà và bà L chỉ là mối quan hệ bạn bè không có lợi ích gì, cũng không có mục đích gì, mục đích cho bà L vay tiền là để giúp bà L và công ty của bà L làm để trả nợ những khoản vay trước đó (Bút lục số 651).

Sau khi có Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 17 ngày 18/11/2020 và Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 539 ngày 19/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, ngày 29/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có Quyết định số 01/2020/QĐST-KDTM tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có Thông báo số 13/TB-TA ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc thay đổi quan hệ pháp luật và Thông báo số 65/TB-TA ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc thay đổi số thụ lý vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán được phân công đã thực hiện Thông báo cho các đương sự, Viện kiểm sát theo đúng quy định; Thẩm phán đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Thẩm phán đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định của pháp luật có liên quan. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, quyền và nghĩa vụ của các bên đều được Tòa án thông báo rõ ràng, đầy đủ.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 166, Điều 275, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quang D.

1. Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho ông D tổng số tiền: 1.489.279.103 đồng, trong đó: 1.125.000.000 đồng tiền gốc và 364.279.103 đồng tiền lãi chậm trả.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu 56.678.373 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ban đầu ông Lâm Quang D khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái tỉnh Điện Biên do bà Nguyễn Thị L làm giám đốc phải trả cho ông phần góp vốn vào Công ty số tiền là 1.125.000.000 đồng (tương đương với 50% giá trị góp vốn của Công ty), Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 01/2020/TLST-KDTM ngày 06/02/2020 về việc “Tranh chấp về chuyển nhượng phần góp vốn với công ty” theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự như sau: Nguyên đơn là ông Lâm Quang D, bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái tỉnh Điện Biên (người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị L – Giám đốc công ty), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Quang D, bà Lâm Thị Minh T, ông Vũ Hoàng T.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ của các bên đương sự cung cấp, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên hồ sơ về việc thành lập, thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái tỉnh Điện Biên, trong đó có Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 26/4/2016 giữa bên chuyển nhượng bà Đào Thị Thanh B với bên nhận chuyển nhượng ông Trịnh Ngọc V. Ngày 08/5/2020 và ngày 12/5/2020, ông Lâm Quang D đã đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án và đề nghị chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên điều tra vì có dấu hiệu của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm trên sang Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 18/11/2020 và ngày 19/11/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã có quyết định không khởi tố vụ án hình sự và thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, bà Nguyễn Thị L thừa nhận có ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đối với bà Đào Thị Thanh B vào ngày 28/4/2016, số tiền 1.125.000.000 đồng trong Hợp đồng chuyển nhượng là số tiền mà trước khi thành lập công ty bà B đã ứng trước để chuẩn bị cho việc thành lập và cho các hoạt động của công ty sau này, được bà B ghi chép vào sổ sách cá nhân. Bà L thừa nhận còn nợ bà B ông D số tiền đó nhưng do làm ăn thua lỗ nên chưa trả được cho bà B và ông D (thể hiện tại Bút lục số 603 – 612, 626 – 628, 629 – 632, 658).

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã xác định lại quan hệ pháp luật trong vụ án này từ kinh doanh thương mại sang vụ án dân sự là tranh chấp kiện đòi tài sản và xác định lại tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Ông Lâm Quang D là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị L là bị đơn; ông Lâm Quang D, bà Lâm Thị Minh T và ông Vũ Hoàng T là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Việc phát sinh tranh chấp và quyền yêu cầu khởi kiện của ông D vẫn trong thời hạn luật định, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án dân sự “*Kiện đòi tài sản*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lâm Quang D, bà Lâm Thị Minh T, ông Vũ Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 199, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy đây là phiên tòa mở lần thứ ba, các đương sự vắng mặt đều đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt này của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định tiếp tục xét xử vụ án dân sự sơ thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị L đề nghị đưa ông Trịnh Ngọc V, bà Trần Thị H vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà Nguyễn Thị L cung cấp thêm Đơn tố giác lần 3 của ông Lâm Quang D để ngày 25/01/2020 (Bản phô tô)

- Đối với đề nghị của bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đưa ông Trịnh Ngọc V và bà Trần Thị H vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng:

Ông Lâm Quang D khởi kiện đề nghị bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên phải trả cho ông số tiền 1.150.000.000 đồng ghi trong Hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/4/2016 và lãi chậm trả của số tiền trên theo lãi suất ngân hàng, từ tháng 05/2016 đến tháng 07/2021.

Trong quá trình giải quyết tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, bà L đã nhiều lần khai nhận bà có trách nhiệm trả tiền và cam kết trả số tiền đã thỏa thuận trong hợp đồng (1.125.000.000 đồng) cho ông D. Bà L thừa nhận đây là số tiền mà trước khi thành lập công ty bà B đã ứng trước để chuẩn bị cho việc thành lập và cho các hoạt động của công ty sau này, được bà B ghi chép vào sổ sách cá nhân. Bà B bị bệnh nặng muốn lấy lại số tiền này nên bà L và bà B đã thỏa thuận ký hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/4/2016 để đảm bảo quyền lợi của bà B. Đối với hợp đồng ngày 26/4/2016 giữa bà B và ông Trịnh Ngọc V chỉ là thủ tục để giúp bà L hoàn thiện về mặt hình thức để thay đổi đăng ký kinh doanh của công ty, ông V cũng không trực tiếp ký hợp đồng với bà B, mà hồ sơ thủ tục do bà L đưa cho ông V ký tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên. Mặt khác, tại Kết luận giám định số 866/GĐ-PC09 ngày 05/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận về đối tượng giám định: Chữ ký đứng tên Đào Thị Thanh B trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký đứng tên Đào Thị Thanh B trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 không phải là do cùng một người ký ra. Thực tế bà B, ông D không quen biết ông V, bà L cho rằng phải ký hợp đồng ngày 28/4/2016 để đảm bảo việc thanh toán tiền thì ông D và bà B mới đồng ý ký hợp đồng ngày 26/4/2016 và các giấy tờ khác giúp bà L hoàn thiện về mặt thủ tục pháp lý để thay đổi đăng ký kinh doanh.

Mặt khác tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã triệu tập lấy lời khai của ông Trịnh Ngọc V và bà Trần Thị H để làm rõ nội dung vụ việc (Bút lục số 615, 651), xét thấy ông V và bà H không liên quan gì trong vụ án dân sự Kiến đòi tài sản, do đó Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của bà về việc đưa ông Trịnh Ngọc V, bà Trần Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L cung cấp thêm Đơn tố giác lần 3 của ông Lâm Quang D đề ngày 25/01/2020 (bản phô tô), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Lâm Quang D có Đơn tố giác lần 3 về việc Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân gửi đến Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Điện Biên tố giác vợ chồng ông Vũ Hoàng T và bà Nguyễn Thị L với nội dung vợ chồng ông T và bà L không trả cho ông D số tiền 1.125.000.000 đồng như trong Hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/4/2016 đã ký.

Xét thấy nội dung đơn tố giác lần 3 của ông Lâm Quang D có nội dung tương tự như đơn tố giác đề ngày 13/5/2020 mà ông đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên (Bút lục số 123, 124), Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án và đề nghị chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên điều tra vì có dấu hiệu của Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi có kết luận của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên quyết định không khởi tố vụ án hình sự và thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm (Bút lục số 172, 173), Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án (Bút lục số 678) theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết Đơn tố giác lần 3 mà bà Nguyễn Thị L đã cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm.

[2] Về nội dung: *Đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Quang D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông số tiền gốc là 1.125.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính theo lãi suất ngân hàng trên số tiền gốc (tính từ tháng 5/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 13/7/2021).*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Đào Thị Thanh B (vợ ông Lâm Quang D) có góp 50% vốn cùng bà Nguyễn Thị L thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên do bà B làm giám đốc. Năm 2016, bà B bị ốm nặng khó qua khỏi nên vợ chồng ông bà có bàn bạc với vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Vũ Hoàng T và thống nhất chuyển nhượng phần góp vốn của bà B cho công ty. Ngày 28/4/2016, hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn với nội dung bà B chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản thực phẩm sinh thái Điện Biên cho bà L, bà L phải thanh toán tiền mặt nhận chuyển nhượng là 1.125.000.000 đồng cho người nhận tiền là ông Lâm Quang D; tháng 5/2016 thanh toán 500.000.000 đồng; số còn lại trả nốt số tiền còn lại 625.000.000 đồng một lần vào tháng 7/2016; việc trả chậm phải do bên chuyển nhượng đồng ý và được tính theo lãi suất ngân hàng theo kỳ hạn tương đương thời gian trả chậm (Bút lục số 02, 29). Số tiền này hai bên đều thừa nhận thực tế là số tiền mà các bên tiến hành chốt nợ giữa vợ chồng ông D - bà B cùng bà L. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L ở Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, bà Nguyễn Thị L đã thừa nhận là có ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đối với bà Đào Thị Thanh B vào ngày 28/4/2016, số tiền 1.125.000.000 đồng trong Hợp đồng chuyển nhượng là số tiền mà trước khi thành lập công ty bà B đã ứng trước (như tiền mua thóc làm nguyên liệu sản xuất, tiền mua máy móc, chi phí đi lại của bà B...) để chuẩn bị cho việc thành lập và cho các hoạt động của công ty sau này, được bà B ghi chép vào sổ sách cá nhân. Bà L thừa nhận còn nợ bà B ông D số tiền đó nhưng do chưa có tiền nên chưa trả được cho bà B và ông D (Bút lục số 603 – 612, 626 – 628, 629 – 632, 653 – 671).

Mặc dù theo thỏa thuận trong Hợp đồng chuyển nhượng là đến tháng 5/2016 bà L phải trả cho bà B và ông D số tiền là 500.000.000 đồng và tháng 7/2016 trả nốt số tiền là 625.000.000 đồng nhưng đến nay bà L chưa trả cho ông D bà B (hiện bà B đã chết, bà B có hai người con là ông Lâm Quang D và bà Lâm Thị Minh T là hàng thừa kế thứ nhất nhưng đều nhất trí nhượng lại quyền hưởng di sản cho ông D) (Bút lục số 29).

Căn cứ theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quang D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L

phải trả cho nguyên đơn ông Lâm Quang D số tiền gốc là 1.125.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Về lãi suất chậm trả, ông D yêu cầu bà L phải trả tiền lãi theo lãi suất ngân hàng từ tháng 05/2016 đến tháng 07/2021.

Theo Công văn số 549/ĐBI-TH,NS&KSNB ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, chi nhánh tỉnh Điện Biên về việc cung cấp mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước như sau: Ngày 29/11/2010 Ngân hàng nhà nước ban hành Quyết định số 2868/QĐ-NHNN công bố mức lãi suất cơ bản B đồng Việt nam là 9%/năm. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2010.

Từ năm 2015 đến 01/01/2017: Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005: “1. Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với từng loại cho vay tương ứng; 2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”.

Từ ngày 01/01/2017 đến nay: Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định B 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D đề nghị bà L trả lãi với mức lãi suất 6%/năm (Bút lục số 29) và tại phiên tòa sơ thẩm, bà L đồng ý trả tiền theo hợp đồng ngày 28/4/2016.

Như vậy, căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng và căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, bà L có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho ông Lâm Quang D tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể như sau:

*** Đối với khoản tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng):**

Số tiền lãi từ tháng 5/2016 đến tháng 12/2016 là: 500.000.000 đồng x 08 tháng x 9%/năm = 30.000.000 đồng.

Số tiền lãi từ tháng 01/01/2017 đến ngày 13/07/2021 là: 500.000.000 đồng x 54 tháng 13 ngày x 6%/năm = 136.068.496 đồng.

Tổng tiền lãi chậm trả của số tiền gốc 500.000.000 đồng là: 30.000.000 đồng + 136.068.496 đồng = **166.068.496 đồng.**

*** Đối với khoản tiền 625.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng):**

Số tiền lãi từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016 là: 625.000.000 đồng x 06 tháng x 9%/năm = 28.125.000 đồng.

Số tiền lãi từ tháng 01/01/2017 đến ngày 13/07/2021: 625.000.000 đồng x 54 tháng 13 ngày x 6%/năm = 170.085.607 đồng.

Tổng tiền lãi chậm trả của số tiền gốc 625.000.000 đồng là: 28.125.000 đồng + 170.085.607 đồng = **198.210.607 đồng**.

Tổng số tiền lãi chậm trả của số tiền gốc 1.125.000.000 đồng là: 166.068.496 đồng + 198.210.607 đồng = **364.279.103 đồng**.

Tổng số tiền gốc và lãi bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Lâm Quang D là: 1.125.000.000 đồng + 364.279.103 đồng = 1.489.279.103 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn một trăm linh ba đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Quang D được chấp nhận nên ông D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông Lâm Quang D được chấp nhận là: 36.000.000 đồng + 3% x (1.489.279.103 đồng – 800.000.000 đồng) = 56.678.373 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 275, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Quang D.
2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lâm Quang D số tiền là 1.489.279.103 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn một trăm linh ba đồng).

Trong đó bao gồm: Tiền gốc là 1.125.000.000 đồng và tiền lãi là 364.279.103 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền đó thì bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản

1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 56.678.373 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/7/2021). Nguyên đơn ông Lâm Quang D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quang D, bà Lâm Thị Minh T, ông Vũ Hoàng T vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn